TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 104/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Văn Bé.
2. Ông Ngô Văn Mừng.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diễm Thúy, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Quý, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Bé T, sinh năm 1983. (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Quý, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Bé Tchung chung sống với nhau vào năm 2004 hôn nhân do quen biết và hai bên gia đình chấp nhận, vợ chồng có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2014 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Bé T.

- Về quan hệ con chung: bà và ông Bé Tcó 02 con chung tên Lê Thị Xuân M, sinh ngày 26.8.2004; Lê Thị Trúc X, sinh ngày 22.10.2007. Sau khi ly hôn bà H đồng ý để ông T được tiếp tục nuôi 02 con chung. Bà không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: bà và ông Bé Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông trình bày không có.

Bị đơn ông Bé Ttrình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông không đồng ý, yêu cầu được hàn gắn tình cảm vợ chồng ông cho rằng ông còn thương vợ và các con.

- Về quan hệ con chung: ông và bà H có 02 con chung tên Lê Thị Xuân M, sinh ngày 26.8.2004; Lê Thị Trúc X, sinh ngày 22.10.2007. Sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: ông trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

- Bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Lê Văn Bé T. Ông Bé Tcó nơi cư trú tại ấp Mỹ Quý, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn Bé T xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhưng ông Bé Tkhông muốn ly hôn và cho rằng còn thương vợ và các con. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho ông Bé T, bà H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Bé T, bà H không thể hiện ý chí hàn gắn về hôn nhân. Hiện tại tình cảm hôn nhân giữa ông Bé T, bà H không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa ông Bé T, bà H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H xin ly hôn với ông Lê Văn Bé T là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: ông Bé Tvà bà H có 02 con chung Lê Thị Xuân M, sinh ngày 26.8.2004; Lê Thị Trúc X, sinh ngày 22.10.2007. Hiện 02 con chung đang sống với ông T. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về yêu cầu nuôi con chung của ông Bé Tthì thấy: từ khi ông T và bà H không còn sống chung cho đến nay ông T vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu Xuân Mvà cháu Trúc Xđảm bảo về thể chất và tâm sinh lý phát triển tốt. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và ghi nhận ý kiến của 02 con chung được biết cháu Lê Thị Xuân Mcó nguyện vọng được sống với mẹ (H) và cháu Lê Thị Trúc Xcó nguyện vọng được tiếp tục ăn ở sinh hoạt và học tập với cha (Bé T). Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần tôn trọng ý kiến và nguyện vọng của 02 cháu Xuân Mvà cháu Trúc Xuân. Bà H được trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Xuân Mai; ông Bé Tđược tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trúc Xlà phù hợp với quy định pháp luật. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Bé T, bà H không yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Bé T, bà H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông, bà có quyền tới lui trông nôm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Bé T, bà H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: ông Bé T, bà H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: ghi nhận ông Bé T, bà H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Bé T, bà H trong thời kỳ hôn nhân thì ông Bé T, bà H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với T cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Nghị Quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn Bé T.

Giấy chứng nhận kết hôn: Quyển số 72/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 5 năm 2008 không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Bà H được trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị Xuân Mai, sinh ngày 26.8.2004; ông Bé Tđược tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Thị Trúc Xuân, sinh ngày 22.10.2007. Ông Bé T, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Bé T, bà H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông, bà có quyền tới lui trông nôm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông Bé T, bà H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: ông Bé T, bà H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- Về quan hệ nợ chung: ghi nhận ông Bé T, bà H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông Bé T, bà H trong thời kỳ hôn nhân thì ông Bé T, bà H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với T cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013803 ngày 17.4.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lê Văn Bé T, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND TT Mỹ Luông.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh